

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2025.

V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kim Thị T, sinh năm 1990 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị T trình bày: Sau quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau, chị T và anh H tự nguyện về chung sống vợ chồng, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A vào ngày 06/12/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau chị T và anh H

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do chị T và anh H tuy sống chung với nhau nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị T xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh O, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/5/2014. Chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh O và cháu Nguyễn Tường V đến tuổi trưởng thành, chị T không cấp dưỡng anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn H nhưng anh H đều vắng mặt.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Kim Thị T khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị T xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng trong nhiều năm và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Từ thời điểm ly thân, chị T và anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần cho anh H để ghi nhận ý kiến của anh H nhưng anh H đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, qua đó thể hiện anh H không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn tình cảm giữa anh và chị T.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Kim Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh O, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/5/2014. Chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh O và cháu Nguyễn Tường V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện 02 người con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các con chung của chị T và anh H được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi chị T, anh H ly hôn nên cần tiếp tục giao các con chung của chị T, anh H cho chị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời việc giao cháu O, cháu V cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu được thể hiện tại các Đơn xin trình bày nguyện vọng của cháu O và cháu V.

Căn cứ các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Kim Thị T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Kim Thị T phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kim Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh O, sinh ngày 11/8/2011 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/5/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung và không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Kim Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Kim Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005313 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Vân Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn